TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06 /2025/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 8 - 2025
V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Khoa
Ông Thạch Thanh Long

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Quách Thúy Lam - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa*:** Ông Huỳnh Thanh Huấn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 68/2025/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 3 năm 2025 về việc "*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị Diễm T, sinh năm 1978 (Có mặt)
- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Kha M, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Địa chỉ sau sáp nhập: ấp B, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Phạm Thị Diễm T trình bày: Bà và ông Nguyễn Kha M do quen biết, tìm hiểu nhau thấy hợp ý quyết định tiến đến hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 2018 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện C tỉnh Trà Vinh (nay là UBND xã T, tỉnh Vĩnh Long) vào cùng

năm 2018. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc khoảng một năm đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong sinh hoạt hàng ngày, ông M thường xuyên uống rượu không quan tâm gia đình, bà nhiều lần khuyên can ông M vẫn không thay đổi, đến năm 2024 bà và ông M sống ly thân đến nay không quan tâm gì đến nhau. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nữa bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Kha M.

Về con: Bà và ông M có 01 người con chung Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 12/11/2022 hiện sống chung với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được quyền nuôi con và chưa yêu cầu ông M cấp dưỡng.

Về tài sản: Bà không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Quá trình chung sống bà và ông M không có thiếu nợ ai và cũng không ai thiếu nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho ông Nguyễn Kha M biết nhưng ông M vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải và cũng không có mặt tại phiên toà để trình bày ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng đầy đủ theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình, không có mặt tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng không có măt tại Toà mặc dù Tòa án thông báo hợp lệ.

Về nội dung: Vị đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 54, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Diễm T.

Về hôn nhân: Cho bà Phạm Thị Diễm T được ly hôn với ông Nguyễn Kha M.

Về con: Giao cho bà T được quyền nuôi dưỡng con Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 12/11/2022. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không có yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà T phải nộp 300.000 đồng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0005206 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Bà Phạm Thị Diễm T khởi kiện ông Nguyễn Kha M có nơi cư trú tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Địa chỉ sau sáp nhập: ấp B, xã T, tỉnh Vĩnh Long) để yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn ông M, và bà yêu cầu được quyền nuôi con. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2, 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Điều 43 Bộ luật Dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật giải quyết là *"Ly hôn và tranh chấp nuôi con"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long.

[2]. *Về tố tụng*: Ông Nguyễn Kha M là bị đơn trong vụ án đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2025 và Giấy triệu tập đương sự nhưng vắng mặt tại phiên toà không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông M.

[3]. *Về hôn nhân*: Bà Phạm Thị Diễm T và ông Nguyễn Kha M tự nguyện kết hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là UBND xã T, tỉnh Vĩnh Long) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 44/2018 ngày 19 tháng 3 năm 2018. Do đó, theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xác định hôn nhân của bà T và ông P là hợp pháp. Bà T cho rằng cuộc sống hôn nhân của bà và ông M phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung, ông M thường xuyên uống rượu, không quan tâm chăm sóc gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, không còn quan tâm đến nhau. Đối với ông M, Toà án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp

cận, công khai chứng cứ và hoà giải cho ông Nguyễn Kha M do bà Đặng Thị L (là mẹ ruột ông M) nhận thay để ông M tham gia tố tụng thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Tại các phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải ngày 15/4/2025, ngày 29/5/2025 và ngày 14/7/2025 ông M đều vắng mặt không có lý do nên phiên hòa giải đoàn tụ vợ chồng không tiến hành được. Ngày 08/8/2025, Tòa án mở phiên tòa xét xử lần thứ nhất, ông M vẫn vắng mặt nên phiên hòa giải đoàn tụ vợ chồng tại phiên tòa không tiến hành được.

[3.1]. Kết quả xác minh đối với chính quyền địa phương cung cấp ông M đi làm thuê ở thành phố Hồ Chí Minh nhưng khi về lại về nhà mẹ ruột tại ấp B, xã T, tỉnh Vĩnh Long, không về sống chung với bà T; bà Đặng Thị L (là mẹ ruột ông M) cung cấp bà T và ông M không hợp nhau về lối sống, thường xuyên cự cải, ông M bỏ đi làm thuê ở thành phố Hồ Chí Minh nhưng khi về thì về sống tại nhà của bà, không sống chung với bà T.

[3.2]. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà T và ông M đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nữa. Bởi lẽ, theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định về tình nghĩa vợ chồng thì " *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, ...* Mục đích của cuộc sống hôn nhân là để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng hôn nhân của bà T và ông M không đạt được mục đích đó. Khi mâu thuẫn, bà T và ông M không tìm giải pháp khắc phục mà sống ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay không còn quan tâm gì đến nhau. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, cho bà T được ly hôn ông M.

[4]. *Về nuôi con:* Bà T và ông M chung sống sinh một người con tên Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 12/11/2022 hiện sống chung với bà T. Bà Thương yêu C được quyền nuôi con. Xét thấy, tính đến ngày 15/8/2025 Nguyễn Minh Đ chưa đủ 36 tháng tuổi (34 tháng 03 ngày tuổi) và từ lúc sinh ra đến nay vẫn do bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng chu đáo về mọi mặt. Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử giao cho bà T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Nguyễn Minh Đ là phù hợp quy định pháp luật.

[5]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có giải thích theo quy định tại các Điều 82, 107 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình về cấp dưỡng nuôi con nhưng bà T vẫn chưa đặt ra yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. *Về tài sản:* Bà T không đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[7]. *Về nợ:* Bà T khai không có, Hội đồng xét xử không xét.

[8]. *Về án phí*: Bà T là nguyên đơn khởi kiện không thuộc trường hợp miễn, giảm án phí nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9]. Xét ý kiến của Kiểm sát viên về trình tự thủ tục tố tụng và hướng giải quyết vụ án là phù hợp quy định pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2, 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Điều 43 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 3, 19, 51, 53, 54, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phạm Thị Diễm T.

Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Diễm T được ly hôn ông Nguyễn Kha M.

Về nuôi con: Bà Phạm Thị Diễm T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 12/11/2022.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Phạm Thị Diễm T có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được cấn trừ vào 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

0005206 ngày 24 tháng 02 năm 2025 do Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long) thu. Bà T đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị Diễm T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với ông Nguyễn Kha M vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày ông nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 11- Vĩnh Long;
- UBND xã Tân An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Trang